**MORE EXERCISE 5/ GRADE 10**

***Choose the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others:***

1. A. eat /iː/ **B. heart** /a:/ C. heat /iː/ D. repeat /iː/
2. A. added /id/ B. subtracted /id/ C. divided /id/ **D. multiplied** /d/
3. A. easy /iː/ B. team /iː/ **C. deaf** /e/ D. seat /iː/

***Choose the word whose main stress pattern is not the same as that of the others :***

1. A. ability (2) B. believe (2) **C. educate** (1) D. retarded (2)
2. A. continued (2) **B. gradually** (1) C. believe (2) D. subtract (2)
3. **A. explanation (3)** B. organize (1) C. opposite (1) D. reason (1)

***Choose the word that is CLOSEST in meaning to the underlined word(s):***

1. She watched the ship moving gradually farther away.

 **A. slowly**  B. hurriedly C. obviously D. continuously

Gradually = slowly: dần dần, từ từ, chầm chậm

1. Their parents were forced to work on farms all day to make money for their family, which robbed them of a chance to give their children an education.

 A. offer B. supply C. suggestion **D. opportunity**

Chance = opportunity: cơ hội

***Choose the word that is OPPOSITE in meaning to the underlined word(s):***

1. At first, there was a lot of opposition from the parents of the disabled children as they did not believe that their children could learn anything at all.

 **A. distrust** B. say C. report D. rumor

Believe (tin tưởng) =/= distrust (không tin, nghi ngờ)

10. Most of the children come from large and poor family.

A. miserable B. cute C. happy **D. rich**

Poor (nghèo) =/= rich (giàu)

***Choose the correct answer that best fits the blank:***

11. Harry: "Are you ready, Kate? There's not much time left". - Kate: "Yes, Just a minute \_\_\_\_\_\_\_"

 A. No longer         **B. I'm coming**        C. I'd be OK                D. I won't finish

Harry: xong chưa Kate? Không còn nhiều thời gian.

Kate: Rồi, chỉ 1 chút thôi. Mình đang đến

12. "Mum. I've got 600 on the TOEFL test" – "\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ "

 A. Good way!       B. You are right         C. Oh, hard luck!       D**. Good job!**

Good job (giỏi lắm/ làm tốt lắm)

“ Mẹ, con thi được 600 điểm Toefl”

“ Giỏi”

1. The deaf and dumb use sign language to \_\_\_\_\_\_\_.

A. compute B. calculate **C. communicate** D. control

Communicate: giao tiếp

Người điếc và câm dùng ngôn ngữ kí hiệu để giao tiếp

1. Her suggestion met with strong \_\_\_\_\_. Her workmates didn’t agree with her to some things.

**A. opposition** B. determination C. condition D. consumption

Opposition: sự phản đối

Đề nghị của cô ấy gặp phải sự phản đối quyết liệt. Đồng nghiệp cũa cô ấy không đồng ý với cô ấy 1 vải điều

1. He had \_\_\_\_ no effort to finish the work so the boss didn’t agree to offer him a promotion.
2. done **B. made** C. determined D. earned

make an effort: nỗ lực

1. The students were \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_into 3 groups and each group took over a different task.

 A. added B. subtracted C. multiplied **D. divided**

Divide into: chia thành

1. The President expressed his deep \_\_\_\_\_\_\_\_\_ over the bombing deaths.

 A. regret B. anger **C. sorrow** D. passion

Sorrow: nổi buồn

Tổng thống bày tỏ nỗi buồn sâu sắc với những cái chết do bom đạn

1. In China, number 4 is considered a(n)\_\_\_number.

 A. lucky **B. unlucky** C. luck D. unluck

a/an/ the + ADJ+ N🡪 unlucky number: con số xui xẻo

1. Many people were killed in the plane crash. The bodies of\_\_\_\_\_\_were taken away; \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_were taken to hospital.

 A. the death - the injured **B. the dead - the injured**

 C. the dead - the injury D. the die - the injured

The dead: người chết, the injured: người bị thương

1. My friend is not very \_\_\_\_\_. She never looks beautiful in photographs.

 A. photograph B. photographic C. photographer **D. photogenic**

Be+ adj 🡪 photogenic: ăn ảnh ( Bạn tôi không ăn ảnh. Cô ấy không bao giờ xinh đẹp trên hình cả)

1. She doesn’t wear makeup because wants to look \_\_\_\_\_\_\_\_\_

 A. nature **B. natural** C. unnatural D. naturally

Look + adj

1. Do you agree that the \_\_\_\_\_ are not always happy although they are not worried about money.

 A. poor **B. rich** C. disabled D. injured

The rich : người giàu ( bạn có đồng ý là người giàu không phải lúc nào cũng hạnh phúc mặc dù họ không hề lo lắng về tiền bạc)

1. It is normally said that \_\_\_\_\_\_\_\_ have the future in their hands.

 A. young **B. the young** C. a young D. many young

The young: thanh thiếu niện/ người trẻ tuổi

1. At first it was rather difficult for her, but now she \_\_\_\_\_\_\_\_ taking care of the baby herself.

 A. used **B. is used to**  C. used to D. were used to

Am/ is/ are used to + Ving: quen với

1. Mrs. Pike \_\_\_very attractive when she was young, but now she looks pale because of the illness.

 A. is used to being **B. used to be**

 C. was used for being D. use to be

When she was young, S+ V2 🡪used to Vo (đã từng)

***Find and correct the mistakes in the following sentences:***

1. You've seen (A) her new car, (B) haven't you? **(C) What does** it (D) like?

C => What is ( What be S like? Như thế nào?)

1. It (A) took him a long time (B) to get (C) used to **(D) drive** on the left.

D => driving ( get used to + Ving)

1. Mr. Gorin (A) has worked (B) in that company **(C) for** (D) last year.

C => since (since+ thời điểm , for+ thời lượng)

1. (A) I've been studying French (B) since **(C)** **I've left** (D) high school.

C. =>I left ( S+ have/ has V3 since S+ V2)

1. Helen Keller, (A) who was both blind and **(B) deafness**, (C) overcame her (D) inabilities with the help of her teacher, Ann Sullivan.
2. => deaf (Be + adj and adj )

**-------THE END------**